

Số: **06/2017/QĐDS-ST**

Ngày 28/7/2017

V/v yêu cầu công nhận  
thuận tình ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN**

*Với thành phần giải quyết việc dân sự:*

Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Quốc Huy - Thẩm phán

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Nam Hải – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Anh - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 08/2017/TLST – HNGĐ ngày 14/7/2017 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, theo Quyết định mở phiên họp số 07/2017/QĐPH- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2017.

**1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:**

+ Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh ngày 8/5/1972

Địa chỉ: thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên

+ Ông **HUNG, JUI-Y (Hồng Thụy N)**, sinh ngày 02/01/1953. Thẻ căn cước số: E 101380628 cấp ngày 19/5/2017 tại Đài Loan (Trung Quốc); Hộ chiếu số: 303900269 cấp ngày 15/10/2011.

Địa chỉ khi kết hôn: xã T, thành phố C, Đài Loan (Trung Quốc).

Địa chỉ nơi ở: Số nhà 1/5, ngách 42, ngõ 114, đường Tùng C, thôn 8, khu Tiểu C, thành phố Cao H, Đài Loan (Trung Quốc).

**2. Người phiên dịch:** Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1984. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 00, đường H, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Địa chỉ nơi ở: Phòng 00, chung cư P, phường H, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

**3. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:**

Bà Nguyễn Thị Q và ông HUNG, JUI-Y (Hồng Thụy N) yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên công nhận cho ông bà được thuận tình ly hôn.

## **NHẬN ĐỊNH:**

Bà Nguyễn Thị Q và ông HUNG, JUI- Y (Hồng Thụy N) đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên (Việt Nam) ngày 08/ 5/ 2012; vào sổ đăng ký kết hôn số 18 quyển số 02/2009 ngày 22/5/2012. Do đó, quan hệ hôn nhân là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông HUNG, JUI- Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên, theo quy định tại khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 37; Điều 469; điểm a khoản 2 Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Xét thấy, kể từ sau khi đăng ký kết hôn đến nay, bà Nguyễn Thị Q và ông HUNG, JUI- Y mỗi người ở một nơi, làm cho việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của vợ chồng bị hạn chế, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay các bên thỏa thuận thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Bà Nguyễn Thị Q và ông HUNG, JUI- Y xác nhận ông bà không có con chung và không có tài sản chung, không có vướng mắc gì về tài sản với người khác nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông HUNG, JUI- Y phù hợp với quy định của Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 nên được Tòa án chấp nhận.

Về lệ phí: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Q và ông HUNG, JUI- Y về việc bà Nguyễn Thị Q chịu cả lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, theo quy định tại khoản 2 Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

Khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 37; khoản 2 Điều 149; Điều 370; Điều 371; Điều 469; điểm a khoản 2 Điều 470 Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- Công nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Q và ông HUNG, JUI- Y (Hồng Thụy N).

2- Về lệ phí: Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bà Nguyễn Thị Q và ông HUNG, JUI- Y (Hồng Thụy N) về việc bà Nguyễn Thị Q chịu cả lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000đồng và được trừ vào khoản tiền tạm ứng

lệ phí mà bà Nguyễn Thị Q đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000079 ngày 14/7/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên.

3- Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Hưng Yên (P. Hộ tịch);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Người yêu cầu;
- Lưu hồ sơ, V.P.

**Lê Quốc Huy**